

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2022

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Sỹ Lĩnh**

Bà **Nguyễn Thị Thùy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Khắc Duy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2022/QĐST– DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, Sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Đỗ Văn Đ**, Sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Đỗ Văn Đ** xây dựng gia đình với nhau vào năm 1995, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của

địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/10/1995. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, chồng đập phá tài sản trong gia đình và có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại nói chuyện, khuyên ngăn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Từ tháng 01/2022 đến nay, bà đã sống ly thân với ông Đ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Đ, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đỗ Văn Đ.

Về con chung: Bà xác định bà và ông Đ có 03 con chung là Đỗ Thị H, sinh ngày 10/3/1998; Đỗ Quốc T, sinh ngày 04/4/2003; Đỗ Duy T1, sinh ngày 12/6/2013. Hiện nay con chung Đỗ Thị H và Đỗ Quốc T đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Đỗ Duy T1, khi ly hôn bà có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D xác định không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D xác định không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Đỗ Văn Đ đều vắng mặt không có lý do và ông cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn khởi kiện và lời trình bày của bà trong hồ sơ vụ án bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Đỗ Văn Đ vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Duy T1, sinh ngày 12/6/2013 cho bà D có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con chung. Về tài sản chung: Bà D xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung:

Bà D xác định trong thời gian chung sống bà và ông Đ không có nợ chung do đó không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Đỗ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn Đ theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn Đ xây dựng gia đình với nhau năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/10/1995 nên quan hệ hôn nhân của bà D, ông Đ là hợp pháp. Bà D xác định từ đầu năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, chồng đập phá tài sản trong gia đình và có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Từ tháng 01/2022 đến nay, bà D đã sống ly thân với ông Đ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông Đ, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đỗ Văn Đ, còn ông Đ vắng mặt tại phiên tòa không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì.

Qua xác minh tại địa phương nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng bà D, ông Đ là do luôn bất đồng quan điểm lối sống, ông Đ nghiện ma túy, vợ chồng bà D, ông Đ đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay.

Do đó, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà D, xử cho bà D và ông Đ được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung:* Bà D xác định vợ chồng bà có 03 con chung là Đỗ Thị H, sinh ngày 10/3/1998, Đỗ Quốc T, sinh ngày 04/4/2003, Đỗ Duy T1, sinh ngày 12/6/2013. Hiện nay 02 con chung Đỗ Thị H và Đỗ Quốc T đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Đỗ Duy T1, khi ly hôn bà D có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục. Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi vợ chồng bà D, ông Đ phát sinh mâu thuẫn, con chung Đỗ Duy T1 vẫn do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hơn nữa cháu Tú có nguyện vọng sống với bà D. Vì vậy, để đảm bảo ổn định về tâm sinh lý cho trẻ; hiện nay cháu đang học tập, vẫn phát triển bình thường hơn nữa cháu Tú có nguyện vọng ở với bà D; do vậy căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử cần giao con chung là Đỗ Duy T1, sinh ngày 12/6/2013 cho bà D có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về việc cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình giải quyết vụ án bà D đã rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị D xác không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị D xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D, xử cho bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung Đỗ Duy T1, sinh ngày 12/6/2013 cho bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Ông Đỗ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị D đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002946 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Anh